

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2026/HS-ST

Ngày: 27/7/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Mỹ

Ông Nguyễn Ngô Chí Nguyễn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Phan Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2026/TLST-HS ngày 09/6/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2026/QĐXXST-HS ngày 07/7/2026 đối với bị cáo:

Thái Minh T, sinh ngày 06/3/1993 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số I, Khu phố G, phường A, tỉnh Vĩnh Long (đã xóa khẩu); chỗ ở trước khi bị tạm giam: Nhà trọ B1, số C, khu phố M, phường B, tỉnh Vĩnh Long; căn cước công dân số 083093004382; trình độ văn hóa 6/12; nghề nghiệp: không; dân tộc Kinh; giới tính N; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Thái Văn N1 (đã chết) và bà Trần Thị Thanh V; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Bản án số 74/HSST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt ngày 17/10/2025).

Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/3/2026 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; nơi cư trú: số I, khu phố M, phường A, tỉnh Vĩnh Long. vắng mặt

2. Đoàn Thị Bé H, sinh năm 1971; nơi cư trú: số G, khu phố A, phường A, tỉnh Vĩnh Long. vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Phạm Thúy O, sinh năm 1987; nơi cư trú: số B, khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thái Minh T đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, nhưng từ ngày 01/12/2025 đến ngày 25/3/2026, T tiếp tục thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 01/12/2025, Thái Minh T đi bộ trên đường A rồi rẽ vào hẻm đi tắt qua đường Q. Khi đi ngang Phòng trọ số 2 nhà trọ số 999 ở số I, khu phố M, phường A, tỉnh Vĩnh Long của chị Nguyễn Thị L, T nhìn vào phòng thấy chiếc điện thoại di động hiệu S A16 A116P 5G (8G + 256G) của chị L để trên nền gạch, không người trông coi, T lén đi vào lấy trộm điện thoại rồi tẩu thoát. Trên đường đi, T bán chiếc điện thoại vừa trộm cho một người thanh niên không rõ họ tên địa chỉ được số tiền 1.000.000 đồng, lấy tiền tiêu xài cá nhân; còn chị L sau khi mất trộm tài sản đến ngày 16/01/2026 đến Công an phường A trình báo để giải quyết. Tài sản không thu hồi được.

Kết luận định giá tài sản số 800/KL-HĐĐGTS ngày 12/3/2026 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự phường A, tỉnh Vĩnh Long kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu S Galaxy A16 A166P 5G (8G+256G), màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI: 355902958422485 tại thời điểm ngày 01/12/2025 trị giá 2.650.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị L yêu cầu Thái Minh T bồi thường số tiền 2.650.000 đồng; T đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ ngày 25/3/2026, Thái Minh T đi bộ từ nhà trọ B1 ở khu phố M, phường B đến khu vực cầu N, phường A, tỉnh Vĩnh Long để chơi game bắn cá. Khi đi ngang nhà chị Đoàn Thị Bé H, T thấy xe mô tô Biển số 71K3-5859 của chị H dựng trên lộ trước nhà, chìa khóa cắm trên xe và không có người trông coi, T lên xe nổ máy điều khiển xe đến quán cà phê của chị Phạm Thúy O ở số B, Khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long mượn chị O số tiền 1.000.000 đồng và để lại chiếc xe này cho chị O quản lý làm tin (chị O không biết xe do T lấy trộm của người khác). T sử dụng số tiền trên tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 26/3/2026, Công an phường A mời Tán làm việc, T khai nhận đã lấy trộm xe của chị H.

Phạm Thúy O giao nộp: 01 (một) xe mô tô hai bánh, Biển số: 71K3-5859, màu đỏ, nhãn hiệu: Honda, số loại: Wave, số máy: HC08E0402319, số khung: RLHHC08052Y402129 (đã qua sử dụng);

Thái Minh T giao nộp: 01 (một) nón bảo hiểm màu nâu, sọc trắng, trên nón có chữ HONDA; 01 (một) áo sơ mi tay dài màu đen, trên áo có chữ GIVE, phần trước ngực có hoa văn đường kẻ trắng; 01 (một) quần JEAN màu xám đen.

Kết luận định giá tài sản số 1489/KL-HĐĐGTS ngày 22/4/2026 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự phường A, tỉnh Vĩnh Long kết luận: 01 (một) xe mô tô 02 bánh, biển số 71K3-5859, màu đỏ, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, số máy: HC08E0402319; số khung: RLHHC08052Y402129 (đã qua sử dụng) tại thời điểm ngày 25/3/2026 trị giá 7.750.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Đoàn Thị Bé H 01 (một) xe mô tô hai bánh, Biển số: 71K3-5859, bị hại không có yêu cầu gì khác

Trả cho T 01 (một) nón bảo hiểm màu nâu, 01 (một) áo sơ mi tay dài màu đen và 01 (một) quần JEAN màu xám đen.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thúy O không yêu cầu T trả số tiền 1.000.000 đồng (tiền O cho T mượn).

Quá trình điều tra, Thái Minh T khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của T phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại Bản cáo trạng số 51/CT-VKSKV5 ngày 08/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long đã truy tố bị cáo về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo trình bày: bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Bị cáo không có khiếu nại các hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

Kiểm sát viên phát biểu luận tội giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị xử lý:

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 01 năm 6 tháng tháng đến 02 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị L số tiền 2.650.000 đồng.

Ghi nhận: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Đoàn Thị Bé H 01 (một) xe mô tô hai bánh, Biển số: 71K3-5859, bị hại không có yêu cầu gì khác. Trả cho T 01 (một) nón bảo hiểm màu nâu, 01 (một) áo sơ mi tay dài màu đen và 01 (một) quần JEAN màu xám đen. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thúy O không yêu cầu T trả số tiền 1.000.000 đồng (tiền O cho T mượn).

Bị cáo nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định:

Khoảng 16 giờ 30 ngày 01/12/2025, tại khu phố M, phường A, tỉnh Vĩnh Long, Thái Minh T có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị L chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A16 A116P 5G (8G + 256G) trị giá 2.650.000 đồng. Khoảng 16 giờ ngày 25/3/2026, tại Khu phố A, phường A, tỉnh Vĩnh Long, Thái Minh T có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Đoàn Thị B H chiếc xe mô tô Biển số 71K3-5859, nhãn hiệu Honda, số loại Wave trị giá 7.750.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 10.400.000 đồng. Bị cáo có đủ năng lực hành vi nhưng vẫn nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Với ý thức, hành vi và hậu quả đó có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn nơi bị cáo phạm tội đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân bị cáo có nhân thân xấu, đã 01 lần bị kết án chưa được xóa án tích.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo phải chịu: “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Tái phạm” quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng là: “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”, “người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi các bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp, áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị L số tiền 2.650.000 đồng.

Ghi nhận: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Đoàn Thị Bé H 01 (một) xe mô tô hai bánh, Biển số: 71K3-5859, bị hại không có yêu cầu gì khác. Trả cho T 01 (một) nón bảo hiểm màu nâu, 01 (một) áo sơ mi tay dài màu đen và 01 (một) quần JEAN màu xám

đen. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thúy O không yêu cầu T trả số tiền 1.000.000 đồng (tiền O cho T mượn).

[7] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm áp dụng quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Thái Minh T phạm Tội trộm cắp tài sản.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2026.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 2.650.000 (hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo phía nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. **Trường hợp bản án được** được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND KV5-Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng THA dân sự KV5-Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND P. Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Bị cáo, NTGTT (4b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê